

Điểm

PHIẾU KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học 2016 - 2017

Môn: Toán - Lớp 3E

Thời gian làm bài: 40 phút

Họ và tên HS: Lớp: 3E - Trường TH Quang Thịnh

Nhận xét của GV:.....

PHẦN I: Trắc nghiệm: (5 điểm) Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Câu 1. Số 54 175 đọc là:

- A. Năm tư nghìn một trăm bảy lăm.
- B. Năm mươi tư nghìn bảy trăm mười lăm.
- C. Năm mươi tư nghìn một trăm bảy mươi lăm.
- D. Năm mươi tư nghìn một trăm bảy lăm.

Câu 2. Số liền sau của số 68457 là :

- A. 68467
- B. 68447
- C. 68456
- D. 68458

Câu 3. Các số 48617; 47861; 48716 ; 47816 sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A . 48617; 48716; 47861; 47816
- B . 48716; 48617; 47861; 47816
- C . 47816; 47861; 48617; 48716
- D . 48617; 48716; 47816; 47861

Câu 4. Số lẻ nhỏ nhất có 5 chữ số là:

- A. 11000
- B. 10100
- C. 10010
- D. 10001

Câu 5. Kết quả của phép cộng 36528+ 49347 là:

- A. 75865;
- B. 85865
- C. 75875
- D. 85875

Câu 6. Kết quả của phép trừ 85371- 9046 là:

- A. 76325;
- B. 86335
- C. 76335
- D. 86325

Câu 7. Mẹ mua 12 quả cam. Mẹ biếu bà 3 quả, mẹ để phần bố $\frac{1}{4}$ số cam. Số còn lại mẹ chia đều cho 2 anh em. Hỏi mỗi anh em được bao nhiêu quả cam?

- A. 4 quả
- B. 1 quả
- C. 3 quả
- D. 2 quả

Câu 8. Diện tích một hình vuông là 9 cm^2 . Hỏi chu vi hình vuông đó là bao nhiêu?

A. 3 cm

B. 12 cm

C. 4 cm

D. 36 cm

PHẦN II: Trình bày bài giải các bài toán: (5 điểm)

Câu 1. Đặt tính rồi tính :

$$21628 \times 3$$

$$15250 : 5$$

Câu 2. Điền dấu $> < =$?

$$1\text{km} \dots 985\text{ m}$$

$$60\text{ phút} \dots 1\text{ giờ}$$

$$797\text{ mm} \dots 1\text{ m}$$

$$987\text{ g} \dots 1\text{ kg}$$

Câu 3. Một người đi bộ trong 6 phút đi được 480 m. Hỏi trong 9 phút người đó đi được bao nhiêu mét đường? (Quãng đường trong mỗi phút đi đều như nhau)

Câu 4. Tìm số có 2 chữ số. Nếu lấy 2 chữ số của số đó nhân với nhau ta được 54, biết rằng có 1 chữ số là 6. Vậy số cần tìm là:

Ma trận đề kiểm tra cuối năm học, lớp 3

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
		TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL
Số và phép tính: cộng, trừ trong phạm vi 100 000; nhân, chia số có đến năm chữ số với (cho) số có một chữ số.	Số câu	6	1						1	6	1
	Số điểm	3	1						1	3	1
Đại lượng và đo đại lượng: ki-lô-gam, gam; tiền Việt Nam. Xem đồng hồ.	Số câu				1						1
	Số điểm				1						1
Yếu tố hình học: hình chữ nhật, chu vi và diện tích hình chữ nhật; hình vuông, chu vi và diện tích hình vuông.	Số câu					1				1	
	Số điểm					1				1	
Giải bài toán bằng hai phép tính.	Số câu				1	1				1	1
	Số điểm				2	1				1	2
Tổng	Số câu	6	1		2	2			1	8	4
	Số điểm	3	1		3	2			1	5	5

		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Cộng
	Số câu	7	2	2	1	12
	Câu số	1,2,3,4,5,6(TN) 1(TL)	2,3(TL)	7,8 (TN)	4 (TL)	
	Tổng điểm	4	3	2	1	10

ĐÁP ÁN MÔN TOÁN.

Phần 1: Trắc nghiệm.5 điểm

Câu 1: HS khoanh đúng vào C được 0,5 điểm.

Câu 2: HS khoanh đúng vào D được 0,5 điểm.

Câu 3: HS khoanh đúng vào C được 0,5 điểm.

Câu 4: HS khoanh đúng vào D được 0,5 điểm.

Câu 5: HS khoanh đúng vào D được 0,5 điểm.

Câu 6: HS khoanh đúng vào A được 0,5 điểm.

Câu 7: HS khoanh đúng vào B được 1 điểm.

Câu 8: HS khoanh đúng vào B được 1 điểm.

Phần 2: Tự luận. 5 điểm

Bài 1: (1 điểm) HS đặt tính và tính đúng mỗi phần được 0,5 điểm.

Bài 2: (1 điểm) HS điền dấu đúng mỗi phần được 0,25 điểm.

Bài 3: (2 điểm)

Bài giải

Mỗi phút người đó đi được số mét là.(0,25 điểm)

$$480 : 6 = 80 \text{ (m)} \text{ (0,75 điểm)}$$

Trong 9 phút người đó đi bộ được số mét là: (0,25 điểm)

$$80 \times 9 = 720 \text{ (m)} \text{ (0,5 điểm)}$$

Đáp số: 720 m (0,25 điểm)

Bài 4: (1 điểm) HS tìm đúng mỗi số cho 0,5 điểm

Số cần tìm là: 96 và 69